

Tây Tiền Hải, ngày 28 tháng 8 năm 2026

*

Số 01 -BC/BCĐ

BÁO CÁO

Sơ kết thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,
chuyển đổi số, cải cách hành chính trên địa bàn xã Tây Tiền Hải

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Khái quát chung

Xã Tây Tiền Hải là đơn vị hành chính của tỉnh Hưng Yên, được thành lập trên cơ sở thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo quy định của Trung ương. Địa bàn xã có vị trí thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội; dân cư phân bố tương đối tập trung, đời sống Nhân dân cơ bản ổn định. Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, dịch vụ và một số ngành nghề khác.

2. Những thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính; kịp thời quán triệt, triển khai các chủ trương, nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản có tinh thần trách nhiệm, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ; một bộ phận cán bộ trẻ có khả năng tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp; tỷ lệ thôn được phủ sóng Internet di động 4G/5G đạt 100%; các doanh nghiệp viễn thông duy trì hoạt động các trạm BTS, cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập Internet và ứng dụng công nghệ số của người dân.

2.1. Khó khăn

- Hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin của một số đơn vị chưa đồng bộ; một số thiết bị đã qua nhiều năm sử dụng, trong khi nhu cầu số hóa hồ sơ, dữ liệu và ứng dụng công nghệ số ngày càng tăng nhưng nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp còn hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu, triển khai nhiệm vụ về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm; phần nào ảnh hưởng đến việc triển khai một số nhiệm vụ chuyên môn.

- Một số phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung và kết nối liên thông còn phát sinh lỗi kỹ thuật; việc khắc phục phụ thuộc vào cơ quan quản lý cấp trên và đơn vị cung cấp dịch vụ, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ xử lý công việc và giải quyết thủ tục hành chính.

- Kỹ năng số của một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi và người dân ở các khu vực còn khó khăn, còn hạn chế trong việc tiếp cận, sử dụng các nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW

Công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được cấp ủy, chính quyền xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương như: tổ chức hội nghị trực tiếp, hội nghị trực tuyến, lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng Thông tin điện tử xã, các trang mạng xã hội và các nền tảng số.

2. Việc kiện toàn, phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và cấp trên, Đảng ủy xã đã tiến hành rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hiện nay, Ban Chỉ đạo gồm 21 thành viên. Việc phân công nhiệm vụ được thực hiện cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả; đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Việc ban hành văn bản của cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban Chỉ đạo xã để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng và văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và cấp trên, Đảng ủy, UBND xã và Ban Chỉ đạo đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Đảng ủy, chính quyền và Ban Chỉ đạo xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành (gồm kế hoạch, quyết định, thông báo, công văn và các văn bản liên quan khác) nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06.

III. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

1.1. Việc tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và xây dựng các mô hình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Đảng ủy đã chỉ đạo UBND xã đã quan tâm đầu tư, sửa chữa, cải tạo và đưa vào hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công xã (đặt tại trụ sở UBND xã), bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hiệu quả công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Song song với đó, xã tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước và thực thi công vụ; đã thực hiện mua sắm bổ sung các máy tính xách tay và máy tính để bàn cho các ban, phòng, ngành. Qua đó, từng bước nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc chuyên môn.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất tiếp tục được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững.

1.2. Việc bố trí cán bộ chuyên trách về khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Hiện nay, cơ quan Đảng ủy và UBND xã đã bố trí 02 công chức kiêm nhiệm, phụ trách thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Đội ngũ cán bộ được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, cơ bản đáp ứng yêu cầu tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Về công tác chuyển đổi số

2.1. Phát triển hạ tầng số

a) Hạ tầng viễn thông và Internet

- Hạ tầng số trên địa bàn tiếp tục được quan tâm đầu tư và phát triển, tạo nền tảng quan trọng phục vụ quá trình chuyển đổi số. Hiện nay, 100% dân số được phủ sóng 4G; mạng 5G phủ sóng trên 50% dân số; băng thông mạng truyền số liệu chuyên dùng cung cấp cho các cơ quan, đơn vị cơ bản ổn định; băng thông Internet bình quân trên địa bàn đạt khoảng 300 Mbps. Các nền tảng số dùng chung được duy trì hoạt động ổn định, thường xuyên được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương hai cấp, đặc biệt là 05 hệ thống thông tin quan trọng theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

- Hệ thống thông tin, tuyên truyền tiếp tục được quan tâm đầu tư và khai thác hiệu quả. UBND xã đã triển khai đầu tư, nâng cấp và tích hợp hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; hiện chưa có cụm thu thông minh được kết nối với Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh. Cổng thông tin điện tử xã được duy trì, vận hành thường xuyên; các trang mạng xã hội và các nhóm Zalo của cơ quan, đơn vị hoạt động hiệu quả, phục vụ tốt công tác tuyên truyền, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành trên địa bàn.

b) Hạ tầng công nghệ thông tin

- UBND xã hiện sử dụng 01 đường truyền số liệu chuyên dùng có băng thông 3 Mbps và 01 đường truyền Internet cố định có băng thông 300 Mbps do VNPT cung cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Hệ thống mạng LAN tại trụ sở Đảng ủy, UBND xã được đầu tư, kết nối theo mô hình tập trung, vận hành ổn định; được trang bị đầy đủ thiết bị mạng, hệ thống cáp và các điểm phát sóng Wifi phục vụ hoạt động của cơ quan.

- Đảng ủy sử dụng hệ thống điều hành tác nghiệp được triển khai sử dụng thường xuyên và hiệu quả. 100% cán bộ, công chức khối đảng và MTTQ xã và các tổ chức cơ sở đảng được cấp tài khoản để dùng xử lý công việc. Đến nay, 100% máy vi tính của cán bộ, công chức thuộc khối Đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội (trừ các máy tính sử dụng mạng mật) đều được kết nối mạng. Trang thiết bị công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; tuy nhiên, một số máy tính, máy in và máy quét (scanner) đã sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả xử lý công việc.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được cải tạo, nâng cấp khang trang, bố trí không gian làm việc, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính và nộp hồ sơ trực tuyến.

2.2. Việc ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp

a) Cập nhật tình hình triển khai các nền tảng, ứng dụng số tại địa phương.

- Hiện nay, xã đang khai thác, sử dụng hiệu quả 06 nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung, gồm: Hệ thống hội nghị trực tuyến; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice; Hệ thống điều hành tác nghiệp; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng Thông tin điện tử.

- Hệ thống hội nghị trực tuyến được đầu tư và vận hành ổn định. Xã có 02 phòng họp trực tuyến (01 phòng họp cơ quan Đảng ủy, 01 phòng họp cơ quan HĐND-UBND xã) được trang bị đầy đủ thiết bị, bảo đảm kết nối thông suốt với hệ thống hội nghị trực tuyến ba cấp (Trung ương - tỉnh - xã), đáp ứng yêu cầu tổ chức các cuộc họp, hội nghị theo chỉ đạo của cấp trên.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice được triển khai sử dụng thường xuyên, hiệu quả; 100% cán bộ, công chức cơ quan HĐND và UBND xã được cấp tài khoản và sử dụng trong xử lý công việc. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ văn bản đến được xử lý, phê duyệt trên phần mềm đạt 100%; tỷ lệ ký số văn bản điện tử trên VNPT-iOffice đạt 96%; tỷ lệ ký số hồ sơ, văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Hệ thống điều hành tác nghiệp được triển khai đồng bộ và sử dụng hiệu quả; 100% cán bộ, công chức khối Đảng và Ủy ban MTTQ Việt Nam xã được cấp tài khoản phục vụ xử lý công việc. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ văn bản đến được xử lý trên hệ thống đạt 100%, văn ký số của Đảng ủy được văn phòng Tỉnh uỷ xếp loại 7/104 xã phường.

- Cán bộ, công chức thực hiện đăng nhập, khai thác các hệ thống dùng chung để tiếp nhận, xử lý, phê duyệt hồ sơ trực tuyến theo đúng quy trình; đồng thời thực hiện ký số văn bản và chứng thực bản sao điện tử trên môi trường mạng theo quy định. Đối

với 04 thủ tục hành chính của Đảng được triển khai từ tháng 5/2026, đến nay tỷ lệ hồ sơ khai báo và xử lý thu, nộp đảng phí hằng tháng trên hệ thống đạt 100%; hồ sơ chuyển sinh hoạt Đảng và xin ý kiến đảng viên nơi cư trú từng bước được thực hiện trên môi trường số. Phần mềm “Sổ tay đảng viên điện tử” được khai thác, sử dụng thường xuyên, đạt tỷ lệ trên 70%.

- Cổng Thông tin điện tử xã được duy trì vận hành ổn định, thường xuyên đăng tải tin, bài và văn bản theo quy định, phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và công khai hoạt động của chính quyền địa phương. Đến nay, đã đăng tải trên 470 tin, bài và văn bản trên Cổng thông tin điện tử.

b) Phát triển dữ liệu số

- Công tác xây dựng, cập nhật và khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đối với cơ sở dữ liệu đảng viên, việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu tổ chức đảng và đảng viên trên Hệ thống cơ sở dữ liệu đảng viên 4.0 được triển khai nhằm bảo đảm nguyên tắc “Đủ - sạch - sống - dùng chung”, đồng thời kịp thời đồng bộ dữ liệu sang ứng dụng “Sổ tay đảng viên điện tử” và các thủ tục hành chính của Đảng. Đến nay, 20/20 TCCSĐ trực thuộc Đảng ủy xã đã hoàn thành việc đưa ứng dụng “Sổ tay đảng viên điện tử” vào sử dụng.

- Công tác số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh theo quy định nhằm phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu. Việc số hóa hồ sơ, số hóa kết quả giải quyết và lưu trữ dữ liệu công dân được thực hiện đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, giảm thiểu việc phải cung cấp lại hồ sơ, giấy tờ.

Đến nay, đã hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch đạt 100%; số hóa hồ sơ học sinh, giáo viên và cán bộ ngành giáo dục đạt 100%; thực hiện làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu lĩnh vực người có công, giáo dục nghề nghiệp và đối tượng bảo trợ xã hội; chuẩn hóa mã số thuế cá nhân, mã số thuế tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn; thực hiện đồng bộ dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt; khởi tạo hồ sơ sức khỏe điện tử, hoàn thành sổ khám sức khỏe điện tử trên VNeID; các cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế đã liên thông dữ liệu với Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử quốc gia và Cổng giám định bảo hiểm y tế.

Đối với cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, UBND xã đã cập nhật đầy đủ 189/189 hộ lên Hệ thống cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo, đạt tỷ lệ 100%; trong đó có 87 hộ nghèo và 102 hộ cận nghèo.

c) Việc bảo mật thông tin, dữ liệu trong quá trình triển khai, thực hiện

Cơ quan Đảng ủy và UBND xã đã được trang bị, cài đặt và kết nối hệ thống máy tính với thiết bị bảo mật BML, góp phần bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung cũng như thực hiện trao đổi, xử lý văn bản điện tử trên môi trường mạng theo quy định.

2.3. Kết quả triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; kết quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI, chuyển đổi số trong các lĩnh vực

- Đảng ủy, UBND xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kỹ năng số đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân thông qua

các nền tảng trực tuyến như Bình dân học vụ số, AI cộng đồng, One Touch, MobiEdu và các nền tảng số khác. Đồng thời, thường xuyên đăng tải, chia sẻ tài liệu, hướng dẫn về chuyển đổi số trên các nhóm Zalo của cơ quan, đơn vị, Tổ công nghệ số cộng đồng, Ban cán sự các khối, các trang mạng xã hội và Cổng Thông tin điện tử xã nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân.

- Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã đã được bồi dưỡng kỹ năng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động chuyên môn; Cán bộ, công chức đã chủ động sử dụng các công cụ AI để hỗ trợ công tác tham mưu, tổng hợp, xây dựng báo cáo, xử lý văn bản, khai thác thông tin và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

2.4. Phát triển kinh tế số

a) Tình hình triển khai thương mại điện tử ở các cơ sở kinh doanh, hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn

- Hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tiếp tục có bước phát triển tích cực. Người dân ngày càng chủ động tiếp cận và sử dụng các sàn thương mại điện tử cùng các nền tảng mua bán trực tuyến để tìm kiếm, mua sắm hàng hóa. Mạng lưới cung ứng dịch vụ bưu chính, chuyển phát được mở rộng với sự tham gia của nhiều đơn vị, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa trên môi trường số.

b) Về thanh toán không dùng tiền mặt

- 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn thực hiện chi trả lương qua tài khoản. Các hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp đã triển khai, chấp nhận các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thông qua Internet Banking, Mobile Banking, mã QR và các phương thức thanh toán điện tử khác.

- Công tác chi trả các chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt tiếp tục được triển khai hiệu quả. Đến nay, 445/445 đối tượng người có công và thân nhân người có công được chi trả chế độ qua tài khoản, đạt tỷ lệ 100%; 1861/1861 đối tượng bảo trợ xã hội được chi trả trợ cấp qua tài khoản, đạt tỷ lệ 100%.

- Các dịch vụ điện, nước, viễn thông, Internet và truyền hình trả tiền ngày càng được người dân sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời, các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình viễn thông công ích, tạo điều kiện để người dân tiếp cận thiết bị thông minh và dịch vụ số, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng các nền tảng số trong đời sống kinh tế - xã hội.

2.5. Phát triển xã hội số

- Lĩnh vực giáo dục: Công tác chuyển đổi số trong giáo dục tiếp tục được các nhà trường trên địa bàn triển khai đồng bộ. 100% giáo viên có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và đổi mới phương pháp giáo dục. Các nhà trường tăng cường sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, thư viện điện tử và các nền tảng dạy học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Việc ứng dụng các phần mềm quản lý giáo dục, sổ liên lạc điện tử, quản lý hồ sơ, điểm số và kết quả học tập được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà trường và tăng cường kết nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh. Đồng thời, các hoạt động giáo

dục STEM, trải nghiệm sáng tạo gắn với ứng dụng công nghệ số được quan tâm triển khai, góp phần phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và kỹ năng số cho học sinh.

- Lĩnh vực y tế: Trạm Y tế xã tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác khám, chữa bệnh, quản lý và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Các phần mềm chuyên ngành phục vụ quản lý thông tin y tế cơ sở, hồ sơ sức khỏe điện tử, thống kê y tế và quản lý tiêm chủng được triển khai, khai thác hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và cung cấp dịch vụ y tế. Việc sử dụng căn cước công dân gắn chip và tài khoản VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh được thực hiện hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân khi tiếp cận dịch vụ y tế. Trạm Y tế xã thực hiện thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bằng cả hình thức tiền mặt và chuyển khoản, từng bước thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế.

- Lĩnh vực bảo hiểm xã hội: Công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội tiếp tục được triển khai đồng bộ. Thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người dân được cập nhật, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu giấy tờ khi thực hiện thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho người dân trong quá trình tham gia, thụ hưởng các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Các lĩnh vực khác (ngân hàng, thuế, giao thông...): Việc ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân gắn chip và tài khoản định danh điện tử VNeID ngày càng được mở rộng. Người dân từng bước sử dụng căn cước công dân gắn chip hoặc ứng dụng VNeID khi thực hiện các giao dịch, thủ tục hành chính và tiếp cận các dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng, thuế, giao thông và các lĩnh vực khác, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thời gian thực hiện thủ tục và thúc đẩy phát triển xã hội số trên địa bàn.

2.6. Công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin

- Đảng ủy, UBND xã đã kịp thời triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và cấp trên về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, khai thác và sử dụng ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử. UBND xã đã ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin cấp độ 2 đối với hệ thống mạng nội bộ (LAN) của cơ quan HĐND và UBND xã; đồng thời triển khai cài đặt hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) cho các máy tính tại cơ quan HĐND và UBND xã.

- Công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường mạng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

2.7. Về kinh phí thực hiện chuyển đổi số

Năm 2026, tổng kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của xã là 1.678.000.000 đồng. Hiện nay, UBND xã đang tiếp tục rà soát, xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tổ chức triển khai thực hiện trong thời gian tới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

3. Về công tác cải cách hành chính

3.1. Cải cách thể chế

- Trong 8 tháng đầu năm 2026, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong kỳ báo cáo, địa phương tập trung triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản luật, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh và các văn bản chỉ đạo của cấp trên, bảo đảm đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Công tác xây dựng, ban hành và rà soát văn bản được UBND xã thực hiện nghiêm túc theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Qua rà soát, chưa phát hiện văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã ban hành có nội dung trái với quy định hiện hành; các văn bản cơ bản bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước tại địa phương. Trong kỳ báo cáo, không phát sinh văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý.

3.2. Cải cách thủ tục hành chính

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và công khai kịp thời các thủ tục hành chính (TTHC) theo các quyết định công bố của cấp có thẩm quyền. Đã triển khai thực hiện 04 thủ tục hành chính của Đảng trên Cổng Dịch vụ công; bước đầu triển khai mô hình phòng họp không giấy đối với các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

- Trung tâm có 07 biên chế chuyên trách, diện tích khoảng 42m², bố trí 6 quầy giao dịch; có khu vực niêm yết công khai thủ tục hành chính, khu vực chờ cho công dân, khu vực tiếp nhận và trả kết quả, đồng thời hỗ trợ người dân số hóa hồ sơ tại chỗ. Hạ tầng công nghệ thông tin gồm máy tính, máy in, máy scan, đường truyền Internet và các phần mềm dùng chung; tuy nhiên, tài liệu nguồn cũng nêu rõ một số thiết bị đã cũ, cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, nhất là khi quét và số hóa hồ sơ số lượng lớn.

- Kết quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ 06 tháng đầu năm 2026: tổng số hồ sơ tiếp nhận là 2.832 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến 2.810 hồ sơ, chiếm 99,2%; hồ sơ trực tiếp trên hệ thống 22 hồ sơ, chiếm 0,8%; hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang 41 hồ sơ, chiếm 0,14%; Thực tế hồ sơ tiếp nhận trực tiếp tại quầy hướng dẫn công dân nộp trực tuyến 2.800 hồ sơ, chiếm 98,8%, Công dân ở nhà tự nộp hồ sơ rất ít có 30 hồ sơ. Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 2.798 hồ sơ, đạt 98,79%; trong đó hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn 2.787 hồ sơ, đạt 99,6%; hồ sơ quá hạn 11 hồ sơ, chiếm 0,4%.

- Tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt rất cao, phản ánh tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời cho thấy phần mềm một cửa điện tử đã phát huy vai trò trong theo dõi, cảnh báo tiến độ xử lý hồ sơ. UBND xã quản lý 323 TTHC, trong đó 220 DVCTT toàn trình, 101 DVCTT một phần, 02 TTHC cung cấp thông tin trực tuyến; tổng hồ sơ tiếp nhận 6 tháng đầu năm 2026 là 2.832 hồ sơ, hồ sơ trực tuyến 2810/2832 đạt 98,8%, tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 100%.

3.3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Ban Thường vụ Đảng ủy xây dựng kế hoạch thực hiện, ban hành quyết định thành lập mô hình, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện mô hình “Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp”.

- Sau 01 năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tổ chức bộ máy của xã Tây Tiền Hải cơ bản ổn định, bảo đảm hoạt động thông suốt, không để gián đoạn trong giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân. Các phòng, ban, Trung tâm Phục vụ hành chính công được kiện toàn; nhiệm vụ của từng bộ phận từng bước được phân định rõ hơn theo chức năng, nhiệm vụ.

- Sáu tháng đầu năm 2026, kết quả vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công với khối lượng hơn hàng nghìn hồ sơ tiếp nhận cho thấy cấp xã đã đảm nhận khối lượng công việc lớn hơn, yêu cầu chuyên môn cao hơn. Tuy nhiên, khó khăn nổi lên là khối lượng công việc cấp xã tăng mạnh; nhiều nhiệm vụ mới về số hóa, dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến, an toàn thông tin phát sinh; trong khi hạ tầng, thiết bị và nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin còn hạn chế. Một số thiết bị tại Trung tâm chất lượng kém, tốc độ xử lý chậm khi thực hiện số hóa hồ sơ số lượng lớn.

3.4. Cải cách chế độ công vụ, công chức

- UBND xã đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức gắn với từng vị trí việc làm; chú trọng nâng cao trách nhiệm phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ, công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm và từng bước thích ứng với yêu cầu làm việc trên môi trường số.

- Trong 06 tháng đầu năm 2026, 100% cán bộ, công chức tại Trung tâm đã được cấp và sử dụng chữ ký số; tỷ lệ văn bản điện tử được ký số khi phát hành đạt khoảng 100%. Đây là chuyển biến rõ so với năm 2025, khi tỷ lệ ký số văn bản đạt 2832/2832 văn bản là giấy hẹn và trả kết quả, tương ứng 100%.

3.5. Cải cách tài chính công

- UBND xã tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công phục vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số, duy trì hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công, vận hành phần mềm, thiết bị, tuyên truyền, tập huấn và hỗ trợ người dân. Kinh phí thực hiện chuyển đổi số chủ yếu được bố trí từ ngân sách xã, đồng thời lồng ghép với các chương trình, dự án của tỉnh và sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Theo báo cáo tiến độ nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS, UBND tỉnh đã duyệt cấp kinh phí 2.299.000.000 đồng cho nhiệm vụ tuyên truyền, đào tạo, tập huấn công tác chuyển đổi số; đồng thời xã còn có nhu cầu về hạ tầng CNTT, truyền thanh thông minh, AI công vụ và các nhiệm vụ chuyển đổi số khác. Nguồn lực này là cần thiết, nhưng chưa đủ để nâng cấp toàn diện máy tính, máy scan, đường truyền, thiết bị mạng, thiết bị dự phòng và giải pháp bảo đảm an toàn thông tin.

3.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- UBND xã tiếp tục duy trì sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, phần mềm một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến và các hệ thống thông tin dùng chung. Việc sử dụng chữ ký số được đẩy mạnh, góp phần giảm văn bản giấy, rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao tính pháp lý của văn bản điện tử.

- Tỷ lệ văn bản điện tử ký số khi phát hành trong 06 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 98% tăng mạnh so với số liệu nền năm 2025 là 56%. Đây là một trong những chỉ số phản ánh rõ chuyển biến trong phương thức làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng số hóa, điện tử hóa.

- Về hạ tầng, hệ thống mạng LAN của UBND xã hiện phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đồng thời xã được phân quyền sử dụng nhiều hệ thống do Trung ương, tỉnh, xã quản lý như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống giám sát thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hungyen, cơ sở dữ liệu cán bộ, phần mềm kế toán, bảo hiểm, thuế, dịch vụ công kho bạc.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính được quan tâm thực hiện; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu từng bước được phát huy.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp; các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung của Trung ương và của tỉnh được khai thác, sử dụng tương đối hiệu quả. Cán bộ, công chức, viên chức cơ bản thực hiện tốt việc sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc.

- Nhận thức về chuyển đổi số của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân từng bước được nâng cao. Việc ứng dụng các nền tảng số, mạng xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số trong đời sống, sản xuất, kinh doanh ngày càng phổ biến, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số đạt nhiều kết quả tích cực; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt cao, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và tổ chức.

- Việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến tiếp tục được đẩy mạnh; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết thủ tục hành chính đạt kết quả cao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về cải cách hành chính, chuyển đổi số và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã được quan tâm triển khai nhưng có thời điểm chưa thực sự sâu rộng; hiệu quả tiếp cận đối với một số nhóm đối tượng còn hạn chế, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

- Việc triển khai 04 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%. Tuy nhiên, đa số cấp ủy tại các chi bộ có độ tuổi cao, số lượng đảng viên trẻ đi làm ăn xa nhiều, trình độ công nghệ thông tin và điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, dẫn đến quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn. Trong giai đoạn đầu, việc thực hiện chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ trực tiếp của cán bộ chuyển đổi số, cán bộ Văn phòng Đảng ủy.

- Việc khai thác, sử dụng phần mềm Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử ở một số chi bộ chưa thực sự thường xuyên, hiệu quả chưa cao, còn mang tính hình thức, chưa phát huy đầy đủ giá trị trong công tác lãnh đạo, điều hành và sinh hoạt Đảng.

- Vẫn còn phát sinh hồ sơ giải quyết quá hạn trên hệ thống. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn là ... hồ sơ, chiếm ...%;

- Việc khai thác, sử dụng một số hệ thống thông tin, nền tảng số ở một số bộ phận vẫn chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả khai thác chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu đặt ra.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến của một bộ phận người dân còn gặp khó khăn do hạn chế về kỹ năng số, điều kiện tiếp cận thiết bị công nghệ thông tin và hạ tầng mạng; thói quen thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức truyền thống vẫn còn phổ biến.

- Một bộ phận người dân còn gặp khó khăn trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến do hạn chế về kỹ năng số, điều kiện tiếp cận thiết bị công nghệ thông tin và hạ tầng mạng; thói quen thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức truyền thống vẫn còn phổ biến.

2.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế; kinh phí dành cho đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin cũng như đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

- Một số hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung của các bộ, ngành trong quá trình vận hành còn phát sinh lỗi kỹ thuật; việc kết nối, đồng bộ dữ liệu chưa thực sự ổn định. Tình trạng chậm đồng bộ kết quả giải quyết hồ sơ, khó khăn trong tra cứu hồ sơ, ký số và thanh toán trực tuyến vẫn còn xảy ra, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa thật sự đầy đủ; việc nghiên cứu, cập nhật kiến thức và chủ động ứng dụng công nghệ số trong thực hiện nhiệm vụ ở một số lĩnh vực còn hạn chế.

- Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn mới được thành lập, năng lực và kinh nghiệm hoạt động của một số thành viên còn hạn chế; kỹ năng hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số và sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa đồng đều. Bên cạnh đó, chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp để duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng.

- Một bộ phận người dân khi thực hiện thủ tục hành chính chưa kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2 hoặc còn gặp khó khăn trong việc sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến; do đó vẫn có xu hướng lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp thay vì thực hiện trên môi trường điện tử.

- Trình độ, kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là người cao tuổi, còn hạn chế; thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số chưa thực sự phổ biến, ảnh hưởng đến tiến trình chuyển đổi số trên địa bàn.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

I. VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

2. Tiếp tục triển khai hiệu quả Phong trào “Bình dân học vụ số”; đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cho người dân, nhất là người cao tuổi và các đối tượng yếu thế; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ và đời sống xã hội.

3. Tăng cường đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và chuyển đổi số; ưu tiên đầu tư, thay thế các thiết bị đã xuống cấp, không còn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về chuyển đổi số; đẩy mạnh xây dựng, đăng tải các sản phẩm truyền thông số trên Cổng Thông tin điện tử, fanpage, hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

5. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng số và kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các nền tảng số thiết yếu.

6. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số; tổ chức các đợt ra quân hướng dẫn kỹ năng số tại các khối, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân tham gia môi trường số.

7. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý, điều hành; nâng cao hiệu quả xử lý văn bản điện tử, giải quyết thủ tục hành chính, khai thác và sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung của Trung ương và của tỉnh.

8. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh mạng; tăng cường kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện và khắc phục các nguy cơ mất an toàn thông tin; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu số.

9. Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06; bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao đúng tiến độ, chất lượng và yêu cầu đề ra.

II. VỀ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác cải cách hành chính; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế, nhất là tình trạng hồ sơ giải quyết chậm, muộn.

3. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành; khai thác hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng Thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các nền tảng số dùng chung; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường mạng.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Tăng tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn; hạn chế tối đa hồ sơ quá hạn; đẩy mạnh tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

5. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tiễn địa phương. Tăng cường rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản. Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức phù hợp; chú trọng tuyên truyền các quy định pháp luật mới, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và Nhân dân.

6. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tốt các quy định về phân cấp, phân quyền, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức. Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm; kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm.

7. Thực hiện quản lý, điều hành ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường kiểm soát chi thường xuyên và giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công và các nguồn lực được giao theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách; thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị theo quy định.

8. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

9. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số gắn với triển khai hiệu quả Đề án 06, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, tổ chức trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính trên địa bàn xã Tây Tiền Hải.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy; (để báo cáo)
- Ban Chỉ đạo tỉnh; (để báo cáo)
- Văn phòng Tỉnh ủy; (để báo cáo)
- Sở Khoa học và Công nghệ; (để báo cáo)
- Ban Chấp hành Đảng bộ xã;
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo xã;
- Các ban, phòng, ngành xã;
- UBMTTQ và các TC-CT xã;
- Đảng ủy, Chi ủy trực thuộc Đảng ủy xã;
- Lưu BCĐ.

BÍ THƯ

kiêm

TRƯỞNG BAN



Tô Quý Bôn